

Số: 238/BB-THCS TT

Trường Vinh, ngày 14 tháng 10 năm 2025

BIÊN BẢN THÔNG NHẤT CÁC CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2025 – 2026

Căn cứ Nghị quyết số 31 ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về quy định mức thu tối đa khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập, mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Nghệ An ;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 31 ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An;

Công văn số 2566/SGD & ĐT-KHTC ngày 5/9/2025 của sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nghệ An về hướng dẫn quản lý thu và sử dụng các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ giáo dục tại các trường công lập trên địa bàn Nghệ an năm học 2025-2026;

Hướng dẫn số 143/HD-HCTDTW ngày 11/6/2018 của Trung ương Hội CTĐ của Trung ương hội Chữ thập đỏ.

Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 của Bộ Giáo dục & Đào tạo hướng dẫn các nội dung chi đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục ;

Nghị định số 188/2025/NĐ/CP ngày 1/7/2025; Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT- BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học; Công văn số 248/LN-BHXH-GD&ĐT ngày 26/8/2025 hướng dẫn Liên ngành giữa BHXH tỉnh và Sở GD & Đào tạo tỉnh Nghệ An về thực hiện BHYT trong học sinh, sinh viên;

Nghị quyết 217/2025/QH15; Nghị định số 238/2025/NĐ/CP ngày 3/9/2025 về học phí; Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Bản đại diện cha mẹ học sinh;

Căn cứ các hướng dẫn trên và trường THCS Trường Thi dự kiến thu như sau:

* Các khoản thu thực hiện theo quy định

- Học phí: Thực hiện miễn giảm học phí theo quy định tại Điều 19, Nghị định số 238 /2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ

- Tiền dịch vụ trông giữ xe đạp: Thực hiện Mục B khoản 1 điều 2, quyết định số 80/2016/QĐ/UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ quản lý, phí trông giữ xe đạp, xe máy trên địa bàn tỉnh nghệ An, mức thu đối với HS đi xe đạp: 15.000/1 tháng x số tháng thực gửi

- Tiền BHYT học sinh, cụ thể như sau:

+ HS sinh khối 6 thu: 15 tháng x 52,650 = 789,750 đồng/HS. Hạn sử dụng thẻ từ 01/10/2025 đến 31/12/2026

+ HS sinh khối 7,8 thu: 12 tháng x 52,650 = 631,800 đồng/HS. Hạn sử dụng thẻ từ 01/01/2026 đến 31/12/2026

+ HS sinh khối 9 thu: 9 tháng x 52,650 = 473,850 đồng/HS. Hạn sử dụng thẻ từ 01/01/2026 đến 30/9/2026

*** Các khoản thu theo hình thức thỏa thuận**

- Tiền tuyển sinh đầu cấp (đã thực hiện vào tháng 6/2025, mức thu 40.000 đồng/HS)

- Các khoản thu tăng cường dành cho học sinh các lớp tiên tiến.

TT	Chương trình	Số tiết/ môn học/ năm học	Đơn giá/tiết	Tổng tiền thu/năm học	THÁNG 9,10,11,12,1,2,3,4		THÁNG 5	
					Số tiết thu/tháng	Dự trừ kinh phí TB/tháng/học sinh	Số tiết thu/tháng	Dự trừ kinh phí TB/tháng/học sinh
1. Chương trình tăng cường bắt buộc								
1	Tin học IC3	60	12,000	720,000	7	84,000	4	48.000
2	Tiếng Anh tăng cường	140	36,250	5,075,000	16	580,000	12	435.000
3	Giáo dục Stem	60	25,000	1,500,000	7	175,000	4	100.000
4	Phát triển năng lực, năng khiếu môn VH (Ngữ văn-Toán học)	140	12,000	1,680,000	16	192,000	12	144,000
2. Chương trình tự chọn								
1	PTNK thể thao, nghệ thuật (Bóng đá, Bóng rổ, Aerobic, Mỹ thuật)	60	25,000	1,500,000		214,300	4	100.000
Kinh phí/tháng/HS (Không bán trú)						1,245,300		827,000

3. Các khoản thu khác		Số ngày/tháng/năm học	Mức thu	Tổng tiền	Số tháng học	Dự trừ kinh phí TB/tháng/học sinh	Số tháng học	Dự trừ kinh phí TB/tháng/học sinh
1	Tiền ăn (Dự kiến : 22 ngày/tháng x 9 tháng =198 ngày/năm học)	198	40,000	7.920,000	22	880,000	22	880,000
2	Kinh phí bán trú hàng tháng	9	170,000	1,530,000	1	170,000	1	170,000
3	Kinh phí bán trú mua sắm đồ dùng K6 đầu năm	1	200,000	200,000				
4	Kinh phí bán trú mua sắm đồ dùng K7,8 đầu năm	1	150,000	150,000				
TỔNG KINH PHÍ/HỌC SINH/THÁNG (Tham gia bán trú, không bao gồm kinh phí đồ dùng bán trú đầu năm) KHỐI 6						2,295,300		1,877,000
TỔNG KINH PHÍ/HỌC SINH/THÁNG (Tham gia bán trú, không bao gồm kinh phí đồ dùng bán trú đầu năm) KHỐI 7,8						2,295,300		1,877,000

- Thẻ học sinh: 15.000 đồng/em/năm học.
- Dịch vụ số liên lạc điện tử: 100.000 đồng/ HS/năm học.
- Tổ chức thi thử cho học sinh cuối cấp (dành cho học sinh lớp 9): Tối đa không quá 50.000đ/học sinh/môn thi.
- Photo đề thi: Tối đa không quá 20.000đ/học sinh/năm học.

*** Đóng góp tự nguyện:**

- Vận động tài trợ CSVN (Đang tạm dừng, nếu UBND Tỉnh cho phép sẽ thực hiện đảm bảo đúng theo kế hoạch đề ra theo phê duyệt của địa phương).

- Thu các khoản đóng góp tự nguyện, thu hộ của phụ huynh nhằm đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của học sinh và thực hiện thành công kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2025-2026.

- Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh: Thực hiện theo quy định tại điều 10 Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và DT ban hành điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Kinh phí hoạt động của BDD cha mẹ học sinh: Nhà trường cùng Ban đại diện cha mẹ học sinh dựa trên tình

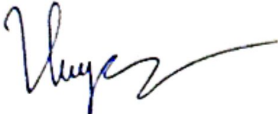
hình thức tổ lập dự toán thu chi, dựa theo dự toán vận động phụ huynh đóng góp quỹ theo tinh thần tự nguyện, không quy định mức thu, không cáo bằng. Kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS trường được trích từ kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS lớp. Thống nhất tỷ lệ kinh phí hoạt động Ban ĐDCMHS như sau:

Kinh phí hoạt động ban đại diện CMHS trường: 20%

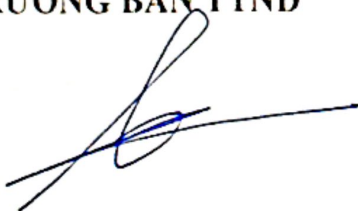
Kinh phí hoạt động ban đại diện CMHS lớp: 80%

Quỹ Đội: Thực hiện theo quy định tại Chương IV QĐ số 01-QĐ/HĐĐTĐW ngày 09/01/2024 của Hội đồng TW Đội TNTP HCM. Quỹ Đội được xây dựng gắn với các phong trào, hoạt động có ý nghĩa của Đội như Kế hoạch nhỏ, Giúp bạn tới trường, Nghìn việc tốt...

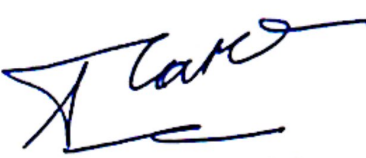
THƯ KÝ HĐSP


Nguyễn Thị Huyền

TRƯỞNG BAN TTND



BAN ĐẠI DIỆN CMHS


Lê Nam Văn

PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Lê Trà

HIỆU TRƯỞNG


Bành Chi Ch�y Hà

KẾ TOÁN

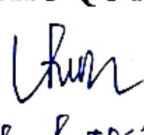
TỔ TRƯỞNG KHTN


Thưg Thư Lý

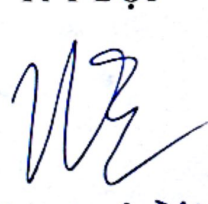
TỔ TRƯỞNG KHXH


Nguyễn Thị Lan Phương

THỦ QUỸ


Ng T. Thanh Hường

TPT ĐỘI


Chu Thị Huyền Giang